



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08806/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2865.KT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 16/08/2025

Địa chỉ : Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn và Nghĩa trang Đa Phước, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.2865.KT1**: "Tại nguồn số 02 - lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại, sinh hoạt số 02 - Dòng thải số 02. Tọa độ: X: 1180981,524; Y: 599611,977"

\	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				25.2865.KT1	Giá trị tối đa cho phép
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	47	≤ 180
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.010,22	-
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	48,67	100
4	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 26A	0,08	50
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	250
6	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	66,6	500
7	O ₂ ^(b)	%	QTKT.02/LAET	14,42	6 - 15
8	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	141,4	250
9	Dioxin/ Furan ^(d)	pg-TEQ/Nm ³	US EPA 23	2,117	1200 Lò đốt có công suất dưới 300 kg/h 600 Lò đốt có công suất từ 300 kg/h trở lên
10	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	8.153	-





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

\	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				25.2865.KT1	Giá trị tối đa cho phép
11	Hydrocacbon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 9 do VIMCERTS 337 thực hiện;
3. QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường;
9. Hydrocacbon bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08730/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2865.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 16/08/2025

Địa chỉ : Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn và Nghĩa trang Đa Phước,
xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.2865.KT1**: "Tại nguồn số 02 - lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại,
sinh hoạt số 02 - Dòng thải số 02. Tọa độ: X: 1180981,524; Y: 599611,977"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				25.2865.KT1	Giá trị tối đa cho phép
1	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	0,0222	0,16
2	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,009)	0,2
3	Chì (Pb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	1,2
Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng ^(b)		mg/Nm ³	-	0,34	1,2
4	Asen (As) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	0,0018	-
5	Antimon (Sb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	0,032	-
6	Niken (Ni) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-
7	Coban (Co) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-
8	Đồng (Cu) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	0,031	-
9	Crôm (Cr) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-
10	Thiếc (Sn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	0,0015	-
11	Mangan (Mn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-
12	Tali (Tl) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				25.2865.KT1	Giá trị tối đa cho phép
13	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	0,274	-

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08805/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2865.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 16/08/2025

Địa chỉ : Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn và Nghĩa trang Đa Phước,
xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.2865.KT2**: "Tại nguồn số 03 - máy phát điện sử dụng Biogas -
Dòng khí thải số 03. Tọa độ: X: 1180960,951; Y: 599598,355"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B Kp=0,9 và Kv=0,8
				25.2865.KT2	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	41,5	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	10,4	144
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	360
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	612
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	498,6	720
6	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	450	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiển